

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

**Báo cáo tài chính đã được soát xét
cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2**

Mã số doanh nghiệp: 0303207317

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1-2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán	4-5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
Thuyết minh báo cáo tài chính	8-24

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị hân hạnh trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cổ phần Điện tử Bình Hòa cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016.

1. Công ty

Công ty cổ phần Điện tử Bình Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 0303207317 (số cũ là 4103004312) đăng ký lần đầu ngày 7 tháng 2 năm 2006 và thay đổi lần thứ tư vào ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Vốn điều lệ của công ty cổ phần là 29 tỷ VND.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là VBH.

Văn phòng và nhà xưởng của Công ty được đặt tại số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Chi nhánh của Công ty được đặt tại Lô 6, Khu công nghiệp Hố Nai, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Trong kỳ tài chính này, hoạt động chủ yếu của Công ty là gia công linh kiện điện tử và cho thuê bất động sản.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong kỳ tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lưu Hoàng Long	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên
Ông Bùi Mạnh Hùng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2016)
Ông Trần Hải Minh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2016)
Ông Dương Trung Dũng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2016)
Ông Trần Thanh Lưu	Thành viên (từ nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2016)
Bà Lê Thị Ngọc Thủy	Thành viên (từ nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2016)
Ông Hà Hữu Quang	Thành viên (từ nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2016)

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Phước Hiệp	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2016)
Bà Nguyễn Vĩ Tường Thúy	Thành viên (bổ nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2016)
Bà Nguyễn Thị Kim Tuyến	Thành viên (bổ nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2016)
Bà Trần Thị Ngọc Thảo	Trưởng ban (từ nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2016)
Bà Hà Thị Phương	Thành viên (từ nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2016)
Ông Nguyễn Văn Trãi	Thành viên (từ nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2016)

Ban Giám đốc

Ông Hà Hữu Quang	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 21 tháng 7 năm 2016)
Ông Nguyễn Văn Thành	Giám đốc (từ nhiệm ngày 21 tháng 7 năm 2016)
Ông Trần Minh Đức	Phó Giám đốc (từ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2016)
Ông Phan Cao Hiệp	Phó Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

4. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán BDO được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016.

5. Công bố trách nhiệm của Ban giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trong yếu tố công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

6. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc cùng ngày, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị




LƯU HOÀNG LONG
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2016

Số : BINHO/027.HCM.16-SX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Quý Cổ đông**
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Điện tử Bình Hòa ("Công ty"), được lập ngày 15 tháng 8 năm 2016 từ trang 4 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban giám đốc

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần Điện tử Bình Hòa tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Số liệu đầu năm (01/01/2016) đã được kiểm toán và số liệu kỳ trước (từ 01/01/2015 đến 30/06/2015) đã được soát xét bởi một công ty kiểm toán khác.



Stamp: KIỂM TOÁN BDO TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
Signature: *Thanh*

NGUYỄN THỊ THANH**Phó giám đốc**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0185-2013-038-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO – CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		17.285.952.263	24.883.854.887
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	1.936.825.165	5.592.976.330
Tiền	111		936.825.165	2.092.976.330
Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	3.500.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.583.950.954	11.964.134.955
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	6.662.855.531	6.406.769.234
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	3.408.897.800
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	4.5	50.000.000	50.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	4.3	7.349.561.541	7.131.265.033
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.4	(5.478.466.118)	(5.032.797.112)
Hàng tồn kho	140	4.6	6.033.649.824	6.591.230.242
Hàng tồn kho	141		6.033.649.824	6.591.230.242
Tài sản ngắn hạn khác	150		731.526.320	735.513.360
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	79.170.413	83.157.453
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.15	652.355.907	652.355.907
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		934.139.223	1.601.384.544
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220	4.8	393.523.563	553.494.584
Tài sản cố định hữu hình	221		393.523.563	553.494.584
Nguyên giá	222		22.294.663.865	22.294.663.865
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.901.140.302)	(21.741.169.281)
Tài sản cố định vô hình	227	4.9	-	-
Nguyên giá	228		108.436.107	108.436.107
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(108.436.107)	(108.436.107)
Bất động sản đầu tư	230	4.10	12.834.460	31.872.148
Nguyên giá	231		6.211.957.943	6.211.957.943
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(6.199.123.483)	(6.180.085.795)
Tài sản dở dang dài hạn	240		143.528.000	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.11	143.528.000	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.12	-	510.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		510.000.000	510.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(510.000.000)	-
Tài sản dài hạn khác	260		384.253.200	506.017.812
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	384.253.200	506.017.812
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		18.220.091.486	26.485.239.431

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		3.574.827.365	5.707.120.328
Nợ ngắn hạn	310		2.893.616.765	5.540.909.728
Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.13	2.466.824.847	2.044.401.368
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.14	202.569.078	3.423.626.668
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	4.15	86.260.498	57.216.565
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.16	53.040.000	14.193.343
Phải trả ngắn hạn khác	319	4.17	84.922.342	1.471.784
Nợ dài hạn	330		681.210.600	166.210.600
Phải trả dài hạn khác	337	4.17	166.210.600	166.210.600
Dự phòng phải trả dài hạn	342	4.18	515.000.000	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	4.19	14.645.264.121	20.778.119.103
Vốn chủ sở hữu	410		14.645.264.121	20.778.119.103
Vốn cổ phần	411		29.000.000.000	29.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		29.000.000.000	29.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.310.399.740	2.310.399.740
Lỗ lũy kế	421		(16.665.135.619)	(10.532.280.637)
- các năm trước	421a		(10.532.280.637)	(4.904.860.398)
- kỳ/năm này	421b		(6.132.854.982)	(5.627.420.239)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		18.220.091.486	26.485.239.431



HOÀNG THỊ ANH LÊ
Người lập biểu



LÊ THỊ NGỌC THỦY
Kế toán trưởng



HÀ HỮU QUANG
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2016


CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		46.635.688.330	39.728.432.970
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10	5.1	46.635.688.330	39.728.432.970
Giá vốn hàng bán	11	5.2	43.928.008.023	35.185.172.452
Lãi gộp	20		2.707.680.307	4.543.260.518
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	131.711.449	312.123.463
Chi phí tài chính	22	5.4	566.736.660	687.458.214
Chi phí bán hàng	25	5.5	956.829.325	1.319.857.804
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	7.312.797.857	6.015.368.770
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(5.996.972.086)	(3.167.300.807)
Thu nhập khác	31		22.716	54.600.269
Chi phí khác	32		135.905.612	15.827.782
Lỗ khác	40		(135.882.896)	38.772.487
Tổng lỗ kế toán trước thuế	50		(6.132.854.982)	(3.128.528.320)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.7	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	5.7	-	-
Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(6.132.854.982)	(3.128.528.320)
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	70	5.8	(2.115)	(1.079)


HOÀNG THỊ ANH LÊ
Người lập biểu


LÊ THỊ NGỌC THỦY
Kế toán trưởng


HÀ HỮU QUANG
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÓA

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

	Mã số	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lỗ trước thuế	01	(6.132.854.982)	(3.128.528.320)
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	179.008.709	454.921.600
Các khoản dự phòng	03	1.470.669.006	1.288.204.459
Lỗ/(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái	04	162.673	(13.140.978)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(58.500.205)	(101.925.853)
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(4.541.514.799)	(1.500.469.092)
Giảm các khoản phải thu	09	2.945.983.145	966.378.003
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	557.580.418	(1.341.990.781)
(Giảm)/tăng các khoản phải trả	11	(2.642.335.538)	586.212.470
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	125.751.652	(1.562.979)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(15.420.000)	(26.170.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(3.569.955.122)	(1.317.602.379)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(143.528.000)	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	58.500.205	101.925.853
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(85.027.795)	101.925.853
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỶ	50	(3.654.982.917)	(1.215.676.526)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỶ	60	5.592.976.330	7.421.424.602
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.168.248)	1.636.842
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỶ	70	1.936.825.165	6.207.384.918

HOÀNG THỊ ANH LÊ
Người lập biểu

LÊ THỊ NGỌC THỦY
Kế toán trưởng



THẠCH HỮU QUANG
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty cổ phần Điện tử Bình Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 0303207317 (số cũ là 4103004312) đăng ký lần đầu ngày 7 tháng 2 năm 2006 và thay đổi lần thứ tư vào ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Vốn điều lệ của công ty cổ phần là 29 tỷ VND.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là VBH.

Văn phòng và nhà xưởng của Công ty được đặt tại số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Chi nhánh của Công ty được đặt tại Lô 6, Khu công nghiệp Hồ Nai, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Trong kỳ tài chính này, hoạt động chủ yếu của Công ty là gia công linh kiện điện tử và cho thuê bất động sản.

Đến ngày 30 tháng 6 năm 2016, tổng số nhân viên của Công ty là 307 người (vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 417 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

3.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong kỳ, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối kỳ tài chính, các tài sản bằng tiền và nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái vào ngày này.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ.

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở thời điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối kỳ tài chính. Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào khoản mục giá vốn hàng bán trong kỳ.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của kỳ hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 - 7 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 6 năm

3.6 Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm giá trị nhà kho và phân xưởng của Công ty được dùng cho thuê theo các hợp đồng thuê hoạt động. Khấu hao bất động sản đầu tư được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 5 năm đến 10 năm.

3.8 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

3.9 Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản phân phối lợi nhuận của công ty liên kết sau ngày đầu tư được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ, các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và phải ghi giảm giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất đầu tư đối với các khoản còn đầu tư tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

3.10 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng, phí duy trì tên miền, phí duy trì mail, lưu trữ trang web, phần mềm Microsoft được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian từ hai đến năm năm tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.11 Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

3.12 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo từng năm cho thuê.

3.13 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Công ty từ 12 tháng trở lên tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó.

Theo Luật Bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên hiện có tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2016 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng tại thời điểm lập báo cáo.

3.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ tài chính, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

3.15 Các bên có liên quan

Các bên được xem là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

Bên liên quan	Địa điểm	Quan hệ
Tổng Công ty Điện tử Tin học Việt Nam	TP. Hà Nội	Công ty mẹ
Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Đầu tư và Ứng dụng Công nghệ mới ("TECCO")	TP. Hồ Chí Minh	Cổ đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền mặt tồn quỹ	75.609.227	656.110.213
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	861.215.938	1.436.866.117
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 1 tháng	1.000.000.000	3.500.000.000
	1.936.825.165	5.592.976.330

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, tiền và các khoản tương đương tiền có gốc ngoại tệ là 25.137,58 USD tương đương 559.813.906 VND (vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 19.520,60 USD tương đương 438.237.470 VND).

4.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Bên liên quan	351.870.786	314.747.455
Bên thứ ba:		
- TDK-Lambda Malaysia SDN BHD	662.598.865	1.706.560.996
- Tohozinc Co., Ltd	1.907.826.961	2.123.701.056
- Công ty TNHH Điện tử Điện lạnh Darling	1.093.429.950	-
- Công ty cổ phần Điện tử Thủ Đức 1	650.802.700	650.802.700
- Công ty TNHH Kiến Quang	951.538.900	731.160.600
- Các khách hàng khác	1.044.787.369	879.796.427
	6.662.855.531	6.406.769.234

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, trong số dư phải thu thương mại có gốc ngoại tệ bao gồm 123.283,99 USD tương đương 2.745.534.391 VND.

4.3 Phải thu ngắn hạn khác

		30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Bên liên quan	(a)	1.949.158.918	1.949.158.918
Bên thứ ba:			
- Doanh nghiệp tư nhân TM Ngân Long	(b)	2.570.029.600	2.570.029.600
- Công ty TNHH Kiến Quang	(b)	2.200.000.000	2.200.000.000
- Phải thu khác		493.517.147	290.640.639
Quỹ khen thưởng phúc lợi chi vượt		136.855.876	121.435.876
		7.349.561.541	7.131.265.033

- (a) Đây là các khoản phải thu từ Công ty TECCO và đã được lập dự phòng toàn bộ, trong đó:
- 1.502.658.918 VND là khoản tiền lãi chậm trả;
 - 446.500.000 VND là khoản ứng trước theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 11/HĐNT ngày 9 tháng 12 năm 2008 giữa Công ty và TECCO để thực hiện dự án Cao ốc căn hộ - Thương mại dịch vụ - Văn phòng cho thuê tại số 204 Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh và hợp đồng hợp tác kinh doanh này đã ngừng triển khai.
- (b) Đây là các khoản ứng trước cho nhà cung cấp từ các năm 2013 và 2014 nhưng hợp đồng không được thực hiện và các khoản phải thu này đã được lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

4.4 Nợ quá hạn và dự phòng phải thu khó đòi

	30/06/2016		01/01/2016	
	Số dư nợ quá hạn VND	trong đó, lập dự phòng VND	Số dư nợ quá hạn VND	trong đó, lập dự phòng VND
Phải thu khách hàng	1.260.657.919	630.286.480	1.203.049.323	440.617.474
Phải thu khác ngắn hạn	6.719.188.518	4.848.179.638	6.719.188.518	4.592.179.638
	7.979.846.437	5.478.466.118	7.922.237.841	5.032.797.112

Tình hình tăng giảm dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Năm 2015 VND
Số dư đầu kỳ/năm	5.032.797.112	3.050.173.718
Trích lập dự phòng trong kỳ/năm	445.669.006	1.982.623.394
Số dư cuối kỳ/năm	5.478.466.118	5.032.797.112

4.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Bên liên quan	50.000.000	50.000.000

Đây là khoản tiền cho Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh mượn, không lãi suất, không tài sản đảm bảo.

4.6 Hàng tồn kho

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Hàng mua đang đi đường	-	372.479.478
Nguyên vật liệu	3.870.562.113	4.467.219.651
Công cụ dụng cụ	246.269.058	216.663.908
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	8.921.332
Thành phẩm	1.916.818.653	1.525.945.873
	6.033.649.824	6.591.230.242

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

4.7 Chi phí trả trước

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	36.837.109	71.054.841
Phần mềm hải quan điện tử và kế toán	5.123.750	12.102.612
Phí bảo hiểm tài sản	37.209.554	-
	79.170.413	83.157.453
<i>Dài hạn</i>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	50.631.474	91.852.248
Phí duy trì tên miền, web, chữ ký số, phí bản quyền phần mềm	300.123.810	371.096.815
Hệ thống báo cháy	33.497.916	43.068.749
	384.253.200	506.017.812

Tình hình tăng, giảm chi phí trả trước dài hạn như sau:

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Năm 2015 VND
Số dư đầu kỳ/năm	506.017.812	196.688.025
Tăng trong kỳ/năm	-	536.465.920
Phân bổ trong kỳ/năm	(121.764.612)	(227.136.133)
Số dư cuối kỳ/năm	384.253.200	506.017.812

4.8 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<i>Nguyên giá</i>					
Ngày 01/01/2016	16.380.187.624	2.403.786.054	2.180.606.551	1.330.083.636	22.294.663.865
Ngày 30/06/2016	16.380.187.624	2.403.786.054	2.180.606.551	1.330.083.636	22.294.663.865
<i>G. trị hao mòn lũy kế</i>					
Ngày 01/01/2016	16.027.228.795	2.403.786.054	2.030.484.896	1.279.669.536	21.741.169.281
Khấu hao trong kỳ	124.694.021	-	26.492.000	8.785.000	159.971.021
Ngày 30/06/2016	16.151.922.816	2.403.786.054	2.056.976.896	1.288.454.536	21.901.140.302
<i>Giá trị còn lại</i>					
Ngày 01/01/2016	352.958.829	-	150.121.655	50.414.100	553.494.584
Ngày 30/06/2016	228.264.808	-	123.629.655	41.629.100	393.523.563

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết là 17.252.292.412 VND, trong đó số tài sản vẫn còn sử dụng là 16.028.425.995 VND và tài sản cố định đã ngừng sử dụng là 1.223.866.417 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

4.9 Tài sản cố định vô hình

	Bản quyền hệ điều hành Microsoft VND
<i>Nguyên giá</i>	
Ngày 01/01/2016	108.436.107
Ngày 30/06/2016	108.436.107
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	
Ngày 01/01/2016	108.436.107
Ngày 30/06/2016	108.436.107
<i>Giá trị còn lại</i>	
Ngày 01/01/2016	-
Ngày 30/06/2016	-

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 108.436.107 VND.

4.10 Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
<i>Nguyên giá</i>	
Ngày 01/01/2016	6.211.957.943
Ngày 30/06/2016	6.211.957.943
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	
Ngày 01/01/2016	6.180.085.795
Tăng trong kỳ	19.037.688
Ngày 30/06/2016	6.199.123.483
<i>Giá trị còn lại</i>	
Ngày 01/01/2016	31.872.148
Ngày 30/06/2016	12.834.460

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, nguyên giá của bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 5.925.967.943 VND.

4.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Hệ thống xử lý nước thải	143.528.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

4.12 Đầu tư vào công ty liên kết

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh	510.000.000	510.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(510.000.000)	-
Giá trị thuần	-	510.000.000

Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302720205 đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 9 năm 2002 cho đến thay đổi lần thứ ba vào ngày 20 tháng 8 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, với hoạt động chính là gia công, sản xuất linh kiện điện tử.

Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh chiếm tỷ lệ 30% trên vốn thực góp của công ty này tại ngày 30 tháng 6 năm 2016. Công ty đã xem xét và đánh giá tình hình hoạt động của Công ty Bình Minh và lập dự phòng toàn bộ cho khoản đầu tư này.

4.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Bên thứ ba:		
- TDK Lambda Malaysia SDN BHD	851.855.141	1.671.921.890
- TCL King Electrical Appliances (Trung Quốc)	1.330.203.801	372.479.478
- Phải trả cho người bán khác	284.765.905	-
	2.466.824.847	2.044.401.368

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, trong số dư phải trả người bán ngắn hạn có gốc ngoại tệ là 97.674,98 USD tương đương 2.182.058.942 VND.

4.14 Người mua trả trước ngắn hạn

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Người mua trả trước - bên thứ ba	202.569.078	3.423.626.668

4.15 Thuế và các khoản nộp/(phải thu) nhà nước

	Số phải nộp/ (phải thu) đầu kỳ VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Số phải nộp/ (phải thu) cuối kỳ VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	57.216.565	181.407.018	(152.363.085)	86.260.498
Thuế xuất, nhập khẩu	-	217.989.824	(217.989.824)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(652.355.907)	-	-	(652.355.907)
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.118.096	(2.118.096)	-
Thuế môn bài	-	4.000.000	(4.000.000)	-
Tiền thuê đất	-	2.138.728.565	(2.138.728.565)	-
Cộng	(595.139.342)	2.544.243.503	(2.515.199.570)	(566.095.409)
<i>Trong đó:</i>				
Phải nộp	57.216.565			86.260.498
Phải thu	652.355.907			652.355.907

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

4.16 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Chi phí gia công mạch điện tử	52.000.000	-
Chi phí tư vấn báo cáo giám sát môi trường	-	12.953.343
Chi phí khác	1.040.000	1.240.000
	53.040.000	14.193.343

4.17 Phải trả khác

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Kinh phí công đoàn	83.606.966	-
Bảo hiểm thất nghiệp	1.315.376	1.471.784
	84.922.342	1.471.784
<i>Dài hạn</i>		
Nhận ký quỹ, ký cược	166.210.600	166.210.600

4.18 Dự phòng phải trả dài hạn

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Dự phòng trợ cấp thôi việc	515.000.000	-

Tình hình biến động quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc như sau:

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Số dư đầu kỳ	-
Trích quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ	515.000.000
Số dư cuối kỳ	515.000.000

4.19 Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lỗ lũy kế VND	Cộng VND
Năm trước				
Số dư 01/01/2015	29.000.000.000	2.310.399.740	(4.904.860.398)	26.405.539.342
Lỗ trong năm	-	-	(5.627.420.239)	(5.627.420.239)
Số dư 31/12/2015	29.000.000.000	2.310.399.740	(10.532.280.637)	20.778.119.103
Kỳ này				
Số dư 01/01/2016	29.000.000.000	2.310.399.740	(10.532.280.637)	20.778.119.103
Lỗ trong kỳ	-	-	(6.132.854.982)	(6.132.854.982)
Số dư 30/06/2016	29.000.000.000	2.310.399.740	(16.665.135.619)	14.645.264.121

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

4.19 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Cổ phiếu

- Cổ phiếu phổ thông	30/06/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	2.900.000	2.900.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	2.900.000	2.900.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.900.000	2.900.000
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 VND/CP	10.000 VND/CP
- Cổ phiếu ưu đãi: không có		

4.20 Tài sản nhận giữ hộ

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty còn nhận giữ hộ máy móc thiết bị để gia công cho các khách hàng TDK-Lambda Malaysia SDN.BHD với giá trị ban đầu là 637.534,24 USD; và Tohozinc Co., Ltd. với giá trị ban đầu là 27.228.364 JPY và 17.463,78 USD. Trong đó, nguyên giá máy móc thiết bị đã nhận giữ hộ trên 5 năm (từ năm 2011 trở về trước) là 654.998,02 USD và 25.118.348 JPY.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Doanh thu thành phẩm - xuất khẩu	13.031.138.211	16.734.981.028
Doanh thu thành phẩm - nội địa	26.986.827.232	18.768.840.808
	40.017.965.443	35.503.821.836
Doanh thu cho thuê bất động sản	3.492.791.498	3.242.143.102
Doanh thu cung cấp dịch vụ	983.521.789	872.138.933
Doanh thu bán vật tư	103.642.521	98.705.160
Doanh thu bán hàng hóa	2.025.012.600	-
Doanh thu bán phế liệu	12.754.479	11.623.939
Doanh thu thuần	46.635.688.330	39.728.432.970

5.2 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Giá vốn thành phẩm	40.567.407.788	33.789.160.871
Giá vốn cho thuê bất động sản	714.584.888	775.618.798
Giá vốn cung cấp dịch vụ	600.030.797	556.679.599
Giá vốn vật tư	54.121.952	63.713.184
Giá vốn hàng hóa	1.991.862.598	-
	43.928.008.023	35.185.172.452

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

5.3	Doanh thu hoạt động tài chính	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
	Lãi tiền gửi ngân hàng	58.500.205	101.925.853
	Lãi do chênh lệch tỷ giá	73.211.244	210.197.610
		131.711.449	312.123.463
5.4	Chi phí tài chính	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	510.000.000	654.210.135
	Lỗ do chênh lệch tỷ giá	56.736.660	33.248.079
		566.736.660	687.458.214
5.5	Chi phí bán hàng	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
	Chi phí vật liệu bao bì	732.126.869	1.044.410.197
	Chi phí xuất hàng	221.702.456	221.891.244
	Chi phí quảng cáo	-	53.556.363
	Hoa hồng môi giới	3.000.000	-
		956.829.325	1.319.857.804
5.6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
	Chi phí nhân viên quản lý	2.867.723.253	2.507.982.989
	Chi phí đồ dùng văn phòng	214.587.096	181.717.507
	Khấu hao tài sản cố định	30.292.000	30.292.000
	Tiền thuê đất	1.443.531.365	1.472.775.765
	Thuế, phí và lệ phí	125.935.176	104.024.628
	Chi phí sửa chữa tài sản cố định	119.859.090	198.556.364
	Chi phí tiếp khách	141.455.670	194.876.108
	Chi phí điện thoại	69.442.950	85.094.670
	Chi phí trợ cấp thôi việc	1.280.413.000	224.730.500
	Công tác phí	91.762.765	37.970.899
	Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	445.669.006	633.994.324
	Các chi phí khác	482.126.486	343.353.016
		7.312.797.857	6.015.368.770

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

5.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
(Lỗ) kế toán trước thuế	(6.132.854.982)	(3.128.528.320)
Cộng: chi phí không được trừ	617.452.000	1.000.000
(Lỗ) tính thuế	<u>(5.515.402.982)</u>	<u>(3.127.528.320)</u>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>-</u>	<u>-</u>

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, các khoản lỗ tính thuế được trừ vào thu nhập chịu thuế của những năm sau và thời gian chuyển lỗ không quá 5 năm.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có khoản lỗ tính thuế có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai; tuy nhiên, tài sản thuế hoãn lại của khoản lỗ được mang sang này không ghi nhận bởi Công ty chưa dự kiến được lợi nhuận trong tương lai có thể cân trừ với tài sản thuế hoãn lại.

5.8 Lỗ cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
Lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(6.132.854.982)	(3.128.528.320)
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phần)	2.900.000	2.900.000
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	<u>(2.115)</u>	<u>(1.079)</u>

5.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu	28.820.526.727	21.511.014.716
Chi phí nhân công	12.361.149.366	13.781.504.839
Chi phí khấu hao tài sản cố định	179.008.709	454.921.600
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	445.669.006	633.994.324
Các chi phí khác	10.773.232.845	7.645.951.442
	<u>52.579.586.653</u>	<u>44.027.386.921</u>

6. THÔNG TIN BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý tại thuyết minh mục số 5.1-Doanh thu và 5.2-Giá vốn hàng bán.

Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính :

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngân hàng phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	1.936.825.165	5.592.976.330	1.936.825.165	5.592.976.330
Phải thu khách hàng	6.032.569.051	5.966.151.760	6.032.569.051	5.966.151.760
Các khoản phải thu khác	1.921.008.880	2.177.008.880	1.921.008.880	2.177.008.880
	9.890.403.096	13.736.136.970	9.890.403.096	13.736.136.970
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	2.466.824.847	2.044.401.368	2.466.824.847	2.044.401.368
Các khoản phải trả khác	218.210.600	179.163.943	218.210.600	179.163.943
	2.685.035.447	2.223.565.311	2.685.035.447	2.223.565.311

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 1 tháng 1 năm 2016. Tuy nhiên Ban Giám đốc ước tính giá trị hợp lý của những tài sản và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

Công ty có thể gặp phải các rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường: Hoạt động của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá và rủi ro về biến động giá.

Rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái có liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty không chịu ảnh hưởng đáng kể về rủi ro tỷ giá.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có các khoản tài sản/ (nợ phải trả) tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau :

	USD
Tiền và tương đương tiền	25.137,58
Phải thu khách hàng	123.283,99
Phải trả người bán	(97.674,98)
Tài sản thuần	50.746,59

Công ty chịu rủi ro về giá do thực hiện mua nguyên liệu cho sản xuất gia công. Công ty quản lý rủi ro về giá thông qua việc theo dõi thông tin thị trường nhằm quản lý thời gian mua hàng phù hợp tiến độ sản xuất, gia công và mức độ hàng tồn kho.

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng giao dịch không thực hiện được các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng), tuy nhiên:

Về phải thu khách hàng: Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được.

Tiền gửi ngân hàng: Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng có uy tín tại Việt Nam.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý tình thanh khoản thông qua việc duy trì lượng tiền mặt và tương đương tiền ở mức mà Ban giám đốc cho là đủ đáp ứng cho nhu cầu hoạt động của Công ty và giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động này.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

8.1 Giao dịch và số dư với các bên có liên quan

Trong kỳ, các nghiệp vụ phát sinh với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Công ty CP Thương mại Dịch vụ Bình Minh	Doanh thu dịch vụ Chi phí gia công	33.748.482 433.793.875	77.794.323 -

Vào ngày kết thúc kỳ tài chính, số dư các khoản phải thu với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty CP Thương mại Dịch vụ Bình Minh	Phải thu thương mại Phải thu khác	351.870.786 50.000.000	274.908.935 50.000.000
Công ty CP Đầu tư và Ứng dụng Công nghệ mới (TECCO)	Phải thu khác (thuyết minh 4.3)	1.949.158.918	1.949.158.918

Thù lao cho Ban Giám đốc trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Lương, thưởng và phụ cấp	242.785.000	307.534.508

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

8.2 Cam kết**Cam kết thuê hoạt động**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại số 204 Nơ Trang Long, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh để làm văn phòng, kho và nhà xưởng sản xuất và thuê đất tại Khu công nghiệp Hồ Nai, xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai để làm nhà máy sản xuất. Tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả hàng năm trong tương lai cho hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau :

	Trong vòng 1 năm VND	Từ 2 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Số 204 Nơ Trang Long, Bình Thạnh, Tp.HCM	4.277.457.130	14.971.099.955	-	19.248.557.085
Khu công nghiệp Hồ Nai, tỉnh Đồng Nai	247.005.561	988.022.244	6.895.571.911	8.130.599.716
	4.524.462.691	15.959.122.199	6.895.571.911	27.379.156.801

Cam kết vốn

Vào ngày kết thúc kỳ tài chính, Công ty có cam kết hợp đồng lắp đặt hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt như sau:

	30/06/2016 VND
Giá trị theo hợp đồng	205.040.000
Giá trị đã ghi nhận	(143.528.000)
Giá trị cam kết còn lại	61.512.000

8.3 Thông tin so sánh

Số liệu đầu năm (ngày 01/01/2016) đã được kiểm toán và số liệu kỳ trước (từ 01/01/2015 đến 30/06/2015) đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

Một vài số liệu so sánh được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày Báo cáo tài chính của kỳ hiện hành, chi tiết như sau :

	Mã số	Số liệu trên Báo cáo năm trước (31/12/2015) VND	Điều chỉnh phân loại lại tăng/(giảm) VND	Số liệu trình bày lại (01/01/2016) VND
Phải thu dài hạn khác	216	50.000.000	(50.000.000)	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-	50.000.000	50.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	1.793.299.557	5.337.965.476	7.131.265.033
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	446.500.000	(446.500.000)	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(446.500.000)	446.500.000	-
Dự phòng phải thu ngắn hạn	137	-	(446.500.000)	(446.500.000)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8.178.927.400	(4.770.029.600)	3.408.897.800
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	(121.435.876)	121.435.876	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

8.4 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.



HOÀNG THỊ ANH LÊ
Người lập biểu



LÊ THỊ NGỌC THỦY
Kế toán trưởng



HÀ HỮU QUANG
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2016